

Luật tục Ê-đê về bảo vệ tài nguyên môi trường trong mối tương quan với pháp luật hiện nay

Phạm Xuân Hoàng^{*}, Phạm Thị Xuân Nga^{**}, Nguyễn Thị Lặng^{***}

Nhận ngày 24 tháng 12 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 4 năm 2022.

Tóm tắt: Luật tục và luật pháp trong một phạm vi nhất định đều có vai trò, giá trị xã hội khá tương đồng, đó là điều chỉnh các quan hệ xã hội, duy trì và ổn định một trật tự xã hội đảm bảo cho cộng đồng tồn tại và phát triển. Đối với người Ê-đê, luật tục là kinh nghiệm ứng xử với môi trường và xã hội được truyền từ đời này sang đời khác qua trí nhớ tập thể và được áp dụng trong đời sống sản xuất và sinh hoạt cộng đồng. Bài viết đi sâu tìm hiểu quan niệm của người Ê-đê về vai trò của tài nguyên thiên nhiên, phân tích mối tương quan giữa luật tục và luật pháp nước ta hiện nay, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm phát huy giá trị tích cực và ứng dụng luật tục Ê-đê trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường hiện nay.

Từ khóa: Luật tục Ê-đê, luật pháp, tương quan, tài nguyên, môi trường.

Phân loại ngành: Văn hóa học

Abstract: The customary law, and laws, in a certain extent, has a similar social role and value, that they regulate social relations, maintain and stabilize a social order to ensure the existence and development of the community. For the Ê-đê, customary law is experience in dealing with the environment and society that is passed on from generation to generation through collective memory, applied in production life and social activities. The article explores the attitudes of the Ê-đê people about the role of natural resources, analyzes the relationship between customary laws and other laws of Vietnam, thereby offering solutions to promote positive values and apply the Ê-đê customary law on the protection of natural resources and the environment nowadays.

Keywords: Ê-đê customary law, law, correlation, resources, environment.

Subject classification: Cultural studies

1. Đặt vấn đề

Đảng và Nhà nước ta xác định “Nhà nước quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật”. Tuy nhiên, ở một số dân tộc thiểu số (DTTS), trong đó có tộc người Ê-đê, việc quản lý xã hội vẫn được duy trì song song cả luật pháp và luật tục. Theo quan điểm của nhà nghiên cứu văn hóa

^{*}, ^{**}, ^{***} Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: faxuho@gmail.com

dân gian Phan Đăng Nhật, luật tục là một sản phẩm văn hóa phi vật thể, bao gồm các quy định thuộc về thiết chế xã hội, chế định hành vi ứng xử cộng đồng và tài nguyên thiên nhiên (Phan Đăng Nhật, 2007). Luật tục là kho tàng tri thức dân gian được tích lũy từ thực tế đời sống, là tri thức của dân tộc về tự quản và quản lý cộng đồng do chính cộng đồng sáng tạo và truyền khẩu từ thế hệ này sang thế hệ khác. Người Ê-đê gọi luật tục của mình là *klei bhiăn kdi*, với 236 điều, khoảng trên dưới 8.000 câu nói vần (*Klei duê*). Luật tục Ê-đê gồm những điều luật hướng dẫn, điều chỉnh và điều hòa các quan hệ xã hội, quan hệ con người với môi trường tự nhiên. Người trực tiếp dùng luật tục để xét xử, phân xử các vụ vi phạm, tranh kiện gọi là *pô phat kdi* (thầy xử kiện), đó là những người am hiểu và thông thuộc luật tục, có uy tín trong buôn làng (thường là già làng) (Trương Thị Hiền, 2017).

Luật tục và luật pháp, ở một phạm vi nhất định đều có vai trò, giá trị xã hội khá tương đồng. Chúng góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội, duy trì và ổn định một trật tự xã hội của cộng đồng, đảm bảo cho cộng đồng tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, luật tục không phản ánh ý chí và nguyện vọng của một giai cấp, một tầng lớp xã hội nhất định mà phản ánh ý chí và nguyện vọng của toàn thể cộng đồng. Đặc biệt, trong vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường, luật tục của các tộc người thiểu số, điển hình là người Ê-đê, đã hướng tới bảo vệ lợi ích của cả cộng đồng và duy trì phát triển không gian sống bền vững.

Luật tục Ê-đê đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và sưu tầm. Đầu tiên phải kể đến cuốn *Luật tục Ê-đê (tập quán pháp)* bằng song ngữ Ê-đê - Việt của các tác giả Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn và Nguyễn Hữu Thấu sưu tầm, biên soạn (1996), có đối chiếu so sánh với bộ luật tục Ê-đê của L. Sabatier, đây là nguồn tư liệu quý, khái quát về văn hóa, xã hội tộc người. Khía cạnh bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên của luật tục cũng được các nhà nghiên cứu Trương Bi, Bùi Minh Vũ quan tâm nghiên cứu trong cuốn sách *Luật tục Ê-đê về bảo vệ rừng, đất đai, nguồn nước* (2006). Các nghiên cứu bàn về tầm quan trọng của luật tục trong đời sống, đơn cử bài viết “Luật tục các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên” của Lâm Bá Nam (2010); bài viết “Luật tục của các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên trong phát triển bền vững” của Đỗ Văn Dương và Lê Duyên Hà (2015); gần đây nhất là cuốn sách *Luật tục Ê-đê, một nền tư pháp hòa giải* của Trương Thị Hiền (2017). Các công trình này đã giúp người đọc có những cái nhìn khái quát vai trò của luật tục nói chung cũng như luật tục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nói riêng. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc khái quát chung, hoặc đề cập đến vai trò của luật tục trong đời sống văn hóa xã hội của cộng đồng người Ê-đê mà chưa đi sâu phân tích sự tương quan, mối quan hệ giữa luật tục và luật pháp trong việc bảo vệ tài nguyên môi trường. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu quan niệm của người Ê-đê về vai trò của tài nguyên thiên nhiên, phân tích mối tương quan giữa luật tục và luật pháp nước ta hiện nay, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm phát huy giá trị tích cực và ứng dụng luật tục Ê-đê về bảo vệ tài nguyên và môi trường hiện nay.

2. Thái độ của người Ê-đê về tầm quan trọng của tài nguyên thiên nhiên và môi trường đối với cuộc sống

Tài nguyên thiên nhiên trong cảm quan của người Ê-đê là những gì thuộc thế giới tự nhiên gần gũi, cụ thể xung quanh họ, gắn bó với sự sinh tồn của họ, đó là đất, là rừng, là nguồn nước, là các loài động vật tự nhiên.

2.1. Về tài nguyên rừng, đất và các loài động vật tự nhiên

Người Ê-đê sống chủ yếu nhờ vào nông nghiệp mà canh tác nương rẫy là chủ đạo, nên việc chọn đất để canh tác là cực kì quan trọng. Đồng bào thường chọn những vùng đất ven sông, ven suối, ven những cánh rừng già, nơi đất đai màu mỡ để làm rẫy. Họ tránh những vùng đất đầu nguồn nước để tránh làm bẩn nguồn nước. Việc chọn địa điểm rừng làm rẫy thường do chủ đất của buôn (*pô lăh*) cùng các già làng ấn định, điều phối và gắn với các tập tục. Mỗi gia đình thường có nhiều mảnh rẫy khác nhau để quay vòng theo kiểu luân khoảnh. Khi di chuyển từ địa điểm này sang địa điểm khác để canh tác, mỗi buôn chỉ xoay quanh khu vực đất rừng của buôn mình, không lấn sang đất của buôn khác.

Trước kia, mỗi buôn của người Ê-đê có ranh giới đất đai và rừng núi, thuộc sở hữu chung, các thành viên có thể chiếm dụng nhưng không được quyền sở hữu, chuyển nhượng, bao gồm đất canh tác, đất chăn thả gia súc, đất ở, đất rừng, sông suối, nghĩa địa... và nó được gọi là *ala buôn* (đất làng). Diện tích đất buôn được phân định ranh giới bởi những cây cổ thụ, những con suối, những tảng đá... và được các buôn láng giềng chấp nhận. Họ cũng gắn cho đất của buôn một vị thần cai quản làm tăng sự linh thiêng và tài nguyên của buôn nào thì buôn đấy quản lý và sử dụng. Việc xâm chiếm đất nói riêng và tài nguyên thiên nhiên của buôn nói chung tức là xúc phạm đến thần linh và sẽ bị thần trừng phạt, đồng thời cũng bị xử phạt theo luật tục của cộng đồng.

Luật tục Ê-đê coi “đất đai, sông suối, cây rừng (là) cái nong, cái nia, cái lưng của ông bà. Ông (bà) là người giữ cái hang, trông coi rừng, trông coi cây Ktông, cây Kđjar” (Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu, 1996, tr.470).

Với đất, người Ê-đê coi là mẹ, vì đất mang lại nguồn sống cho gia đình, cho cộng đồng. Đất đai, nương rẫy chiếm vị trí quan trọng trong luật tục Ê-đê, gồm 11 điều với 53 câu *klei duê*.

Để thể hiện sự coi trọng đất đai, đồng bào phải thường xuyên đi thăm đất đai của mình vì họ cho rằng: “Đi thăm là để đất đai mãi mãi tốt tươi, để nước không ngừng chảy, để chuối, mía mọc xum xuê” (Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu, 1996, tr.474).

Với rừng, cũng như nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số sống gần bó với rừng, “ăn rừng”¹, người Ê-đê quan niệm rừng là một thực thể giống như thực thể con người, thậm chí rừng còn là một phần “bản nguyên” của con người. Rừng nuôi sống thể chất, là không gian sinh tồn, đồng thời, rừng cũng là cơ sở quan trọng tạo nên đời sống tinh thần và tâm linh của họ. Họ có tín ngưỡng về Thần Cây, Thần Rừng; quy định trước khi đi săn phải cúng Thần Rừng, trước khi chặt cái cây về làm *k'pan* (ghế dài làm bằng cây gỗ liền) phải cúng Thần Cây.

Họ coi rừng như đất mẹ và ông bà tổ tiên là người trông giữ những khu rừng đó. Trong tín ngưỡng truyền thống của người Ê-đê, rừng đầu nguồn là rừng thiêng, nơi trú ngụ của thần linh. Bởi vậy, nếu phá rừng đầu nguồn cũng có nghĩa là phá nhà và khiến cho thần linh nổi giận, trừng phạt không chỉ cá nhân đó mà còn cả cộng đồng.

Gắn với rừng là các loài động vật tự nhiên. Cũng như việc bảo vệ các nguồn tài nguyên môi trường khác, động thực vật rừng được người Ê-đê coi là nguồn tài nguyên cần bảo vệ

¹ Chữ dùng của G. Condominas trong tác phẩm: “Chúng tôi ăn rừng”, là một công trình nghiên cứu dân tộc học kinh điển của GS. Georges Condominas, xuất bản năm 1957, đã được tái bản nhiều lần.

và khai thác hợp lý. Đó là những con vật gắn bó với cuộc sống của họ, nguồn thực phẩm của họ: cá, chim, con thú (chồn, nhím...), hoặc các con vật phục vụ đời sống sản xuất như con voi, con ngựa... Trong tâm thức của người Tây Nguyên nói chung, cộng đồng người Ê-đê nói riêng, voi là động vật quý, được luật tục đề cập khá nhiều.

2.2. Về tài nguyên nước

Cùng với việc coi trọng đất, rừng, người Ê-đê cũng có ý thức cao về tầm quan trọng của nguồn nước. Bền nước (*pin êa*) hay nguồn nước được coi là hình ảnh tiêu biểu của buôn làng Ê-đê. Trước đây, mỗi làng Ê-đê đều có một bền nước. Bền nước này có vai trò như cái giếng đầu làng của người Kinh. Người Ê-đê ngăn cấm việc làm bẩn nguồn nước. Việc làm ô nhiễm nguồn nước gây nên những hậu quả nghiêm trọng sẽ bị đưa ra xét xử và phải chịu những hình phạt rất nặng. Quan niệm của họ là tại mỗi bền nước chung của buôn đều có một vị thần linh trú ngụ. Bền nước bị ứ đọng làm thần linh nổi giận gây ra dịch bệnh để trừng phạt dân làng. Bởi thế, cứ tháng ba hàng năm, dân làng phải làm lễ cúng bền nước, do chủ bền nước (pô pin êa) chủ trì, đề cảm tạ Thần Nước. Trong lễ cúng, nghi thức quan trọng nhất là tất cả mọi người trong buôn làng phải tham gia quét dọn sạch sẽ bền nước. Họ tin rằng làm như vậy các vị thần sẽ hài lòng, giúp cho dân làng được khoẻ mạnh.

Người Ê-đê đã sớm ý thức được mối quan hệ giữa rừng và nguồn nước, rằng “mất cây rừng” sẽ ảnh hưởng tới việc giữ gìn, bảo vệ nguồn nước thường xuyên cho các con sông, suối và các mạch nước ngầm, gây ra các hậu quả nghiêm trọng như hạn hán, lũ lụt. Vì vậy, bảo vệ nguồn nước liên quan mật thiết với bảo vệ rừng đầu nguồn. Quan niệm rừng thiêng đối với cộng đồng là việc bảo vệ rừng và rừng đầu nguồn, bảo vệ nguồn nước chính là không xâm phạm tới thần linh bảo hộ đời sống tộc người. Thái độ này thể hiện rõ tại điều 231: “Không có nước con người không sống được. Cây bờ suối không được chặt trụi. Cây đầu nguồn không nên chặt phá. Mất cây rừng sẽ gây hạn hán. Mất cây rừng sẽ gây lũ lụt...” (Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hôi, 2010). Đây là một điều luật tục thể hiện khái quát ý thức của người Ê-đê về giá trị của nước đối với sự sống và mối quan hệ nhân quả giữa nước với rừng.

Rừng với họ là mái nhà của cộng đồng, mất cây rừng đất sẽ xói mòn, nguồn nước sẽ cạn kiệt, con người và muôn loài sẽ bị hủy diệt. Do đó, bảo vệ cây rừng là bảo vệ nguồn nước, rộng hơn là bảo vệ môi trường sinh thái của cộng đồng. Nhìn chung, với niềm tin rằng, rừng cây, đất đai, sông suối, bền nước là do ông bà, tổ tiên để lại, người Ê-đê thể hiện mong muốn và ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ không gian để tổ tiên “vui lòng”, cũng như hướng tới đảm bảo sinh tồn bền vững.

3. Luật tục Ê-đê về bảo vệ tài nguyên và môi trường trong mối tương quan với pháp luật Việt Nam hiện hành

3.1. Bảo vệ tài nguyên đất

Trong canh tác nương rẫy, đồng bào Ê-đê rất cẩn trọng những gì liên quan đến rẫy của mình, nhất là khi đốt rẫy “phải báo cho nhau biết”. Còn nếu “đốt lén, lửa cháy lan sang rẫy

nhà khác” thì người đốt rẫy phải dọn sạch rẫy bị cháy, phải làm lễ cúng thần linh để hòa giải. Đồng bào Ê-đê nghiêm cấm việc chôn người chết và chôn cơm nguội trong rẫy nhà khác. Vì việc làm này sẽ “làm ứ tập đất đai, nước non của người ta, e rằng kê sẽ không trở. Lúa sẽ không đâm bông, mùa màng sẽ thui chột, đất sẽ không còn màu cho lúa mọc, rừng sẽ không còn màu cho kê nảy mầm, dòng họ người ta sẽ không giàu lên được nữa” (Đỗ Văn Dương, Lê Duyên Hà, 2015, tr.234).

Người Ê-đê cũng đã chú ý đến việc kế thừa đất đai. Điều 229, Luật tục quy định rất rõ về việc chăm nom và thừa kế đất đai, một cách khá rõ ràng theo trục hệ bên mẹ: “Chị cả là người thay mẹ, anh rể là người thay cha. Họ trông coi đất đai, viếng thăm rừng rú (...). Nếu cậu chết thì để lại cho cháu (cháu trai của cậu); nếu bà chết thì để lại cho cháu (cháu gái của bà tính theo dòng nữ) sẽ thừa kế; người này chết thì để lại cho người khác” (Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu, 1996, tr.468). Như vậy, không chỉ hướng dẫn việc chăm nom, luật tục cũng đã quy định rất rõ ràng về việc thừa kế để trông coi cái nong, cái nia, cái lung của ông bà, người lớn phải có nhiệm vụ dạy cho con cháu họ “hễ đứt thì phải nối, hễ yếu là phải buộc cho vững”.

Luật tục nghiêm cấm việc lấn chiếm đất đai trái phép. Nếu vi phạm sẽ bị đưa ra xét xử nghiêm “hắn là kẻ to gan lớn mật, dám vượt cả núi cao. Như vậy có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn” (Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu, 1996, tr.476).

Tương quan với pháp luật Việt Nam về bảo vệ tài nguyên đất, tại Điều 6, Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc sử dụng đất: “Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất; tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh; người sử dụng đất thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn sử dụng đất theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan” (Quốc hội, 2013). Nếu ai vi phạm, sẽ bị xử lý nghiêm theo các quy định của luật pháp.

Như vậy, Luật tục và luật pháp hiện hành đều có những quy tắc, quy định về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai. Điểm chung của những quy định này là mong muốn quản lý tốt nhất, khai thác và sử dụng có hiệu quả và hướng đến việc bảo vệ môi trường. Bằng nhiều cách thức như: giáo dục, răn đe, xử phạt... luật tục Ê-đê có vai trò tác động đến nhận thức và hành vi của các thành viên, tạo nên một trật tự cần thiết cho các hoạt động bảo vệ tài nguyên đất của cộng đồng. Mỗi thành viên đều tự răn mình và giáo dục các thành viên khác điều chỉnh hành vi theo quy định của luật tục, ngăn chặn những hành vi làm thương tổn đến lợi ích của người khác và của cộng đồng. Tuy nhiên, so với pháp luật, luật tục chưa thể hiện đại và rõ ràng như luật pháp hiện nay về đất đai, về quyền sở hữu, kế thừa đất đai.

3.2. Bảo vệ tài nguyên rừng, động vật rừng

Quy định các quy tắc của cộng đồng về xác lập chủ quyền đối với rừng và đất rừng của từng gia đình, dòng họ, Luật tục Ê-đê có 6 điều với 26 câu *klei duê*. Những điều luật liên quan đến việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên được cộng đồng quan tâm hơn cả là bảo vệ rừng và đất rừng, nguồn nước, động vật sinh sống trong rừng...

Người Ê-đê có quy định rất chặt chẽ, cụ thể cách thức quản lý, khai thác và bảo vệ rừng: “Làm rẫy không được phát rừng già, làm nhà không được chặt cây to. Chặt một cây phải trồng bảy cây. Chặt cây to phải chừa cây con” (Trương Bi, Bùi Minh Vũ, 2006, tr.4).

Hay như điều luật:

“Đi trong rừng thấy cây thẳng không được chặt

Thấy cây to không được hạ

Rừng già không được phát rẫy

Rừng có cây to không được làm nương

Mất rừng con chồn, con nhím không còn chỗ để trú

Không còn nơi để kiếm ăn

Con người không còn rừng để sống...” (Trương Bi, Bùi Minh Vũ, 2006, tr.5).

Người Ê-đê có những quy định rất rõ ràng cho từng hành vi khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng. Bảo vệ đất rừng bao gồm các nội dung: bảo vệ cây đầu nguồn, bảo vệ cây rừng bên bờ suối, bảo vệ cây rừng ở bến nước, bảo vệ cây rừng ở khu rừng già và bảo vệ cây rừng ở khu rừng non.

Phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số có tập quán đốt rừng làm nương rẫy gây hại tới rừng, ảnh hưởng tới nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nhận thức được điều này, Luật tục Ê-đê quy định rõ các hành vi gây cháy, làm tổn hại tới rừng sẽ bị cộng đồng xử lý nghiêm khắc. Điều 80 của luật tục quy định:

“Đàn ông thường đốt lửa bừa bãi, đàn bà thường đốt lửa bậy bạ, có những người đốt lửa mà làm như kẻ điếc, kẻ đui.

Đàn ông thường đốt lửa bừa bãi, đàn bà thường đốt lửa bậy bạ, có những người đốt lửa mà làm như kẻ điên, kẻ dại. Cây le đang đâm chồi thế mà họ chặt mất ngọn, cây lồ ô đang đâm chồi thế mà họ chặt mất đọt. Nếu người bắt được họ đem cho người tù trưởng nhà giàu thì chân họ tất sẽ phải trói lại ngay, tay cả họ người ta tất phải xiềng lại ngay.

Cả rừng le bị cháy khô, cả rừng lồ ô bị cháy trụi; hang thỏ, hang chồn đều bị thiêu trụi tất cả. Vì vậy, có chuyện nghiêm trọng phải xét xử họ.

Ai có con thì phải dạy con, có cháu phải dạy cháu, kéo có khi đi hái củi không biết đi, đi suối lấy nước mà không biết đi. E rằng họ sẽ đốt đuốc cầm theo.

E rằng việc đi rẫy lo việc nương rẫy mà không biết đi, cầm theo những đầu cây còn cháy dở có thể hủy diệt cả rừng.

Lửa sẽ bén vào rừng thiêu trụi cỏ cây, mọi vật. Còn e rằng lửa sẽ cháy lan thiêu trụi cả xóm làng người ta, thiêu trụi cả chòi, cả kho lúa người ta đã dựng lên trong rừng, trong rẫy mà xung quanh chưa kịp dọn quang. Cho nên nếu biết được con đàn bà ấy là ai, thằng đàn ông ấy là ai thì việc xét xử phải đi đến buộc phải bồi thường nặng” (Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu, 1996, tr.214).

Việc đốt rừng làm rẫy, trên thực tế, người Ê-đê chủ yếu đốt rẫy cũ, gỗ tạp. Trước khi đốt rẫy phục vụ sản xuất, họ phát quang xung quanh, tạo khoảng trống để ngăn chặn ngọn lửa cháy lan tới những phần đất khác. Tuy nhiên, đối với những người có hành vi đốt lửa bừa bãi, vi phạm điều luật, hình thức xử lý không chỉ bị trói lại, xử phạt trước toàn thể cộng đồng

mà còn phải bồi thường những thiệt hại do ảnh hưởng của vụ cháy và cống nạp các lễ vật để thực hiện nghi lễ cầu xin thần linh tha tội. Đặc biệt có trường hợp, người gây ra vụ cháy có thể sẽ bị trục xuất khỏi buôn làng hoặc đền bù bằng tính mạng.

Người Ê-đê có chế tài xử phạt khá cụ thể đối với người vi phạm. Vì vậy, họ luôn tâm niệm dạy dỗ các thế hệ con cháu có ý thức bảo vệ rừng:

“Có bao nhiêu con, có bao nhiêu cháu đều phải dạy bằng hết cho chúng (rằng):

Cấm không được đóng cọc vào cây Ktông, cấm không được trèo lên cây Kdjar. Phạm điều cấm đó, người ta coi ngang với tội chặt đuôi voi, tội đập vỡ bát thuế, tội mò vào với vợ tù trưởng nhà giàu, tội thông dâm với vợ của người anh em.

Tội đấy sẽ phải đưa ra xét xử

(Vì vậy) không được cho chúng trèo lên cây Ktông, cây Kdjar, cấm đấy

Phản chúng ta, ai ai cũng có quyền đốt rẫy, bắt cá bất cứ nơi nào.

Ai ai cũng có quyền trèo lên lấy mật bất cứ ở rừng thấp, bụi bờ nào.

Cây le, cây lồ ô, tranh tre để làm nhà, ai ai cũng đều có quyền lấy, không phải trả gì cho ai...” (Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu, 1996, tr.471- 472).

Không chỉ bảo vệ, khai thác tài nguyên rừng, người Ê-đê còn có ý thức phát triển rừng thể hiện ở việc họ chú trọng dạy dỗ con cháu, khuyến khích người người, nhà nhà phải có trách nhiệm trồng cây gây rừng:

“Mẹ phải biết dạy con trồng cây trên rẫy

Cha phải biết dạy con trồng cây bên suối

Chú bác phải biết dạy cháu trồng cây trên đồi

Nhà nhà phải biết trồng cây

Người người phải biết trồng cây” (Trương Bi, Bùi Minh Vũ, 2006, tr.16).

Có thể nói, cách tri nhận của người Ê-đê về bảo vệ rừng khá cụ thể. Nhiều quan niệm tư duy hiện đại về bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường rừng được thể hiện trong nội dung của luật tục.

Về bảo vệ tài nguyên rừng, luật pháp Việt Nam cũng quy định trong Luật Lâm nghiệp năm 2017 với 12 chương gồm 108 điều, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Luật quy định về quy hoạch lâm nghiệp; quản lý rừng; bảo vệ rừng; phát triển rừng, sử dụng rừng; chế biến rừng thương mại lâm sản; quyền và nghĩa vụ của chủ rừng; định giá rừng, đầu tư tài chính trong lâm nghiệp; khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế về lâm nghiệp; quản lý nhà nước về lâm nghiệp và kiểm lâm (Quốc hội, 2013). Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có nhiều chuyển biến tích cực.

Sự tương đồng giữa luật tục và luật pháp mà chúng ta dễ dàng nhận thấy trong việc bảo vệ tài nguyên rừng. Đó là: nếu như người Ê-đê có sự phân chia thành rừng thiêng, rừng sản xuất... trong đó rừng thiêng là rừng bất khả xâm hại, thì pháp luật hiện hành hướng tới quy định các loại rừng: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Trong đó, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được bảo vệ nghiêm ngặt hơn cả. Rừng sản xuất chủ yếu phục vụ lâm nghiệp, nông nghiệp. Nếu như người Ê-đê quy định trách nhiệm của cộng đồng trong việc giữ rừng, phát triển rừng, thì pháp luật hiện đại quy định trách nhiệm của toàn dân

đối với bảo vệ, phát triển rừng. Ngày nay, pháp luật hiện đại quy định chế tài đối với các hành vi phá hoại rừng thì cộng đồng người Ê-đê cũng quy định các hình phạt với cộng đồng nếu xâm hại tới rừng.

Luật tục Ê-đê cũng chú trọng đến việc bảo vệ các loài động vật tự nhiên. Gắn với rừng là các loài động vật tự nhiên, trong đó có những loài con người săn bắn để làm thực phẩm, có loài được thuần dưỡng để phục vụ sản xuất và đời sống. Luật tục Ê-đê có 7 điều với 37 câu *klei duê* để quy định cách ứng xử với động vật. Người Ê-đê cho rằng muông thú là bạn, là nguồn sống của cộng đồng, cần phải có sự khai thác hợp lý để duy trì đảm bảo sự sinh sôi nảy nở, rằng: “Chim thú trong rừng ta phải bảo vệ. Thấy chim thú không nên đuổi bắt. Bắt con chim không được bắt con mẹ. Bắt con cá không được bắt con mẹ. Bắt con thỏ không được bắt con mẹ...” (Trương Bi, Bùi Minh Vũ, 2006, tr.7-8).

Voi là con vật quý, được con người thuần dưỡng, để phục vụ đời sống của mình, song phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng thật tốt: “Nếu làm voi đau ở chân thì anh ta (người vi phạm) phải chăm sóc voi, băng bó cho voi, khăn lên bài khăn cầm máu cho voi, đặt cho voi các thứ thuốc để lành sẹo vết thương, nếu máu vẫn chảy, vết thương không khô, người ta không còn đóng bành trên lưng voi được nữa, nếu voi không ăn cỏ (voi chết) thì anh ta phải đền lại giá trị hoặc thay thế một con voi khác to bằng” (Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu, 1996, tr.459-460).

Pháp luật bảo vệ động vật hoang dã cũng được quy định trong Luật và Nghị định. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về mua bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, gồm 5 chương và 42 điều. Bên cạnh đó, Điều 244 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội danh liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã và bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Nếu như luật pháp đã phủ sóng hầu hết các loài động vật tự nhiên thì luật tục Ê-đê chỉ mới dừng lại ở các loài động vật gắn bó với đời sống của họ, họ phát hiện ra và coi trọng chúng như ngựa, voi, con thú, con cá...

Như vậy, chỉ với những quy định đơn giản, luật tục đã cho thấy người Ê-đê rất tôn trọng tự nhiên, tôn trọng các loài động vật xung quanh môi trường sống của mình. Khai thác động vật luôn đi liền với bảo vệ, duy trì và phát triển.

3.3. Bảo vệ tài nguyên nước

Luật tục Ê-đê có 3 điều với 10 câu *klei duê* quy định về cách ứng xử với nguồn nước, trong đó quy định: “Ai chặt cây ở khu rừng đầu nguồn, chặt cây cổ thụ ở bến nước là vi phạm tập tục”. Luật tục cũng nghiêm cấm những kẻ phá hoại, làm ô uế, nhiễm độc nguồn nước, nếu có tình vi phạm (rấp tâm), phải đưa ra xét xử: “Kẻ bỏ thuốc độc, trồng ngải, rắc tâm làm sập các máng nước ở giếng làng, gây ra tai họa như quỷ dữ, thần ác. Kẻ vô cớ đem thuốc độc đổ xuống thác nước, hòa thuốc độc vào nước suối, nước sông, bỏ thuốc độc khắp mọi nơi quanh làng, mưu toan tiêu diệt xóm làng (...). Vì vậy, hấn là kẻ có tội, có việc nghiêm trọng phải đưa ra xét xử giữa người ta với hấn” (Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu, 1996, tr.367).

Trong luật pháp hiện đại, tài nguyên nước được coi trọng và bảo vệ. Luật Tài nguyên nước đến năm 2012 mới được ban hành, gồm 10 chương với 79 điều, quy định việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra. Luật quy định về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; ứng phó khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt; quan trắc giám sát tài nguyên nước; bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy... (Quốc hội, 2012). Luật sau đó được đi vào đời sống để bảo vệ, giữ gìn nguồn nước. Trong khi đó, các DTTS, điển hình là người Ê-đê đã có quy định chặt chẽ về cách ứng xử với nguồn nước từ xa xưa qua luật tục. Nhìn chung, cách thức bảo vệ, giữ gìn của họ chủ yếu là bảo vệ rừng đầu nguồn, mạch nước ngầm và các khúc sông, khúc suối chảy qua buôn. Đặc biệt, họ rất chú ý và cấm kỵ việc làm dơ bẩn, uế tạp nguồn nước.

So với luật tục, luật pháp hiện hành quy định một cách đầy đủ hơn về nước và tài nguyên nước, dựa trên tri thức khoa học hiện đại.

Hiện nay, trong thực tế đời sống, “tòa án phong tục” vẫn tồn tại ở những vùng xa các đô thị, xa các trục lộ giao thông chính. Những nơi không còn tòa án phong tục thì thay vào đó là nhóm, tổ hòa giải để giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xảy ra trong buôn trên cơ sở luật tục, mà biện pháp chính vẫn là hòa giải, giáo dục, răn đe. Chỉ khi nào tổ hòa giải không xử lý được thì vụ việc mới được chuyển lên Tòa án Nhân dân cấp huyện, tỉnh. Sự vận hành của luật tục vào đời sống xã hội tuy đơn giản nhưng đã mang lại hiệu quả rất lớn trong quản lý, phát triển xã hội buôn làng cũng như trong đời sống cộng đồng Ê-đê.

Một số nhận xét:

Cả luật pháp hiện hành và Luật tục của người Ê-đê đều coi trọng bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, nguồn nước, đất đai, động vật tự nhiên và môi trường sống, chỉ khác nhau về tính chất, phạm vi áp dụng và thái độ ứng xử. Cả luật tục và luật pháp, bên cạnh tính pháp lý, đều thể hiện tính nhân văn, đó là khuyến khích hay khuyến cáo, hoặc răn đe.

Nếu luật pháp hiện đại được định chế bằng các điều luật rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ, chủ thể, trách nhiệm, hành vi vi phạm, hình phạt khá cụ thể, chi tiết trên tri thức khoa học, hiện đại và thường theo cấu trúc quy phạm pháp luật: giả định, quy định, chế tài, thường là: nếu..., khi..., thì phải... với quan hệ pháp luật được xác định khá rõ: chủ thể, nội dung, khách thể trong quan hệ pháp luật. Còn luật tục Ê-đê thường quy định quyền và cấm, khuyến cáo không được, nếu xảy ra vi phạm thì đem ra xét xử và chế tài, chưa xác định rõ quan hệ pháp luật và các điều luật tục thường mô tả sự việc trên bề mặt hành động, được diễn ngôn theo lời văn khá dài, không theo một cấu trúc chặt chẽ như luật pháp hiện đại.

Song nhìn chung, việc bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng được Luật tục Ê-đê cũng như pháp luật quy định và có chế tài xử lý nếu vi phạm. Chỉ khác là, xét xử của cộng đồng người Ê-đê thông qua người phân xử, xét xử và hòa giải, thì luật pháp hiện đại phải thông qua tòa án.

Vấn đề đặt ra hiện nay:

Về phương diện tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên rừng (không gian sinh thái gắn liền với đời sống sinh kế của cộng đồng DTTS) bị suy giảm nghiêm trọng. Số liệu thống kê rừng tự nhiên hằng năm bị mai một khá lớn. Năm 2016, diện tích rừng tự nhiên là 2.234.441 ha,

năm 2021 xuống còn 2.179.794 ha, mất 54.000 ha; diện tích “có rừng” tăng 3.560 ha, tuy nhiên, đó là tăng của diện tích rừng trồng, còn độ che phủ rừng lại giảm 0,07%². Một trong những nguyên nhân là do tình trạng phá rừng. Cộng đồng các DTTS không hài lòng với tình trạng rừng bị tàn phá và thái độ của người Ê-đê nói riêng vẫn mong muốn được bảo vệ tài nguyên này, vì nó có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng.

Về phương diện văn hóa, nhìn chung, văn hóa truyền thống các DTTS tại chỗ ở vùng Tây Nguyên đang bị mai một. Luật tục tuy vẫn ăn sâu trong tâm thức bà con nhưng việc ứng dụng không còn tự giác tuân thủ như trước. Bên cạnh đó, cuộc sống vận động theo hướng giao lưu văn hóa, hội nhập, ảnh hưởng bởi mặt trái của các quan hệ thị trường; đồng thời, theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước, toàn dân sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, nên luật pháp vẫn được ưu tiên thực thi trên toàn xã hội. Cộng đồng các DTTS nói chung, người Ê-đê nói riêng có ý thức tuân thủ pháp luật. Người Ê-đê, ở một mức độ nhất định vẫn đang sử dụng luật tục để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, ứng xử với môi trường tự nhiên. Thực tế đó cho thấy, nếu không có chủ trương từ Đảng và sự chỉ đạo của Chính phủ, chắc chắn những giá trị văn hóa dân gian, trong đó có luật tục chỉ còn trong ký ức và trên trang sách. Cả góc độ thực trạng tài nguyên môi trường lẫn biến đổi văn hóa đang đặt ra yêu cầu phải kết hợp luật tục và luật pháp trong việc giữ gìn, bảo tồn luật tục Ê-đê nói chung, điều luật tục về tài nguyên môi trường nói riêng.

4. Một số giải pháp phát huy giá trị tích cực và vận dụng Luật tục Ê-đê về bảo vệ tài nguyên môi trường vào đời sống hiện nay

Luật pháp và luật tục có mối quan hệ mật thiết với nhau, bởi chính luật tục là nguồn hình thành luật pháp, đồng thời, rất nhiều quy định mang tính pháp luật trong lịch sử đã trở thành luật tục. Chúng ta cần nhận thức đúng vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa luật tục và luật pháp. Pháp luật giữ vai trò quan trọng chính yếu trong quản lý đời sống đồng bào Ê-đê, nhưng cần coi trọng luật tục. Những văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật liên quan đến đồng bào, cần được xây dựng phù hợp với phong tục tập quán tốt đẹp, đồng thời cũng loại trừ những quy định phản tiến bộ của luật tục. Có thể nói, luật tục là hình thức phát triển cao của phong tục, tục lệ và là hình thức phát triển sơ khai của luật pháp. Nhiều quy định tiến bộ của luật tục được thể hiện rõ nét, tương đồng với những quy định trong hệ thống pháp luật hiện nay không thể bỏ qua trong quá trình xây dựng và hoàn thiện luật pháp, mà phải kết hợp luật pháp và tập quán pháp trong điều chỉnh quan hệ xã hội, đảm bảo phát triển xã hội hài hòa.

Các quy định của Luật tục Ê-đê chủ yếu áp dụng trong cộng đồng buôn làng Ê-đê, chúng thể hiện tính tự quản rất cao trong việc quản lý xã hội nói chung và trong việc bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái nói riêng. Với điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và sự phát triển của khoa học công nghệ như hiện nay thì việc thực hiện những quy định của Luật tục cũng sẽ có những biến đổi. Song, không thể phủ nhận những giá trị của luật tục đối với

² Số liệu tổng hợp từ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc, các năm từ năm 2016 đến năm 2021.

việc điều chỉnh hành vi cá nhân trong cộng đồng. Luật tục có vai trò bổ sung cho pháp luật trong những điều kiện nhất định mà ở đó, các quy định của pháp luật chưa thể phủ sóng hết và do tính chung của nó cũng không thể điều chỉnh hết các quan hệ xã hội cụ thể. Luật tục có tác dụng hỗ trợ cho pháp luật trong nhiều lĩnh vực³.

Ngày nay, với sự phát triển của xã hội hiện đại, việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, yêu cầu sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật là một nội dung quan trọng, chính vì vậy, luật pháp càng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội; trình độ lập pháp khá cao, quy định cụ thể đối với các đối tượng quan hệ khác nhau. Tuy nhiên, đối với các cộng đồng DTTS, luật pháp chưa được phổ biến ở mức độ sâu, đa phần mọi người vẫn chưa hiểu nhiều về luật pháp và thiên về sử dụng luật tục. Thực tế, trên thế giới nhiều quốc gia tồn tại song hành giữa luật pháp và luật tục để cùng điều chỉnh các quan hệ xã hội, đều có giá trị như nhau. Úc là một ví dụ điển hình⁴.

Để phát huy những giá trị tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của luật tục Ê-đê về bảo vệ tài nguyên, môi trường trong việc xây dựng và thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp nơi có cộng đồng người Ê-đê sinh sống cần thấy rõ giá trị của luật tục Ê-đê để vận dụng luật tục tham gia quản lý nhà nước; cần nhận thức một cách khách quan, khoa học của các giá trị truyền thống, tri thức địa phương của luật tục về bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Một mặt, trong quá trình hoạch định các chính sách pháp luật, đặc biệt là chính sách bảo vệ tài nguyên, môi trường ở các vùng DTTS nói chung, người Ê-đê nói riêng, Nhà nước cần chú ý quan tâm đến vị trí, vai trò, giá trị của luật tục trong đời sống của đồng bào. Nhà nước có thể kế thừa một số quy định phù hợp, tiến bộ của luật tục để nâng lên thành luật với mục đích quản lý, khai thác, bảo vệ tài nguyên, môi trường được tốt hơn và phù hợp hơn. Việc nghiên cứu, vận dụng các giá trị của luật tục về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường cần phải phù hợp với Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước. Do vậy, cần phải xác định phạm vi các quy định của luật tục có thể tiếp thu, duy trì, kế thừa và đáp ứng yêu cầu không trái với những quy định của pháp luật. Trong xây dựng pháp luật, cần thiết phải triển khai kịp thời nghiên cứu xây dựng nguyên tắc về áp dụng phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số, tạo điều kiện về mặt pháp lý cho việc vận dụng có hiệu quả luật tục Ê-đê trong quản lý nhà nước.

Mặt khác, hoạt động vận dụng luật tục của người Ê-đê trong quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường cần triệt để khai thác những giá trị tích cực của luật tục, góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị tích cực của văn hoá luật tục; luật tục cần được chọn lọc và có cách thức sử dụng phù hợp. Sự kết hợp khéo léo giữa pháp luật và những giá trị tích cực của luật tục sẽ thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng và sẽ phát huy hiệu quả trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

³ Ví dụ, luật tục hỗ trợ, bổ sung cho pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng. Thực tế cho thấy, trong khi nhiều nơi ở Tây Nguyên đất đai đã bị xói mòn đến mức báo động, thì tại Đắk Lắk, hiện vẫn còn những vùng rừng tươi tốt như ở đồi Chư Lâm, xã Cư Suê, huyện Cư M'gar. Một trong lý do quan trọng là do ở những vùng rừng này, những răn dạy trong luật tục bảo vệ rừng và quy định của già làng về cách "ăn rừng" vẫn có giá trị, được cộng đồng người Ê-đê tôn trọng.

⁴ Trên lãnh thổ Úc, tồn tại luật và tập quán của người bản địa (chủ yếu là thổ dân Úc) (Nguyễn Đức Lam, 2019).

Thứ hai, cần đẩy mạnh các hoạt động văn hoá truyền thống làm cơ sở cho vận dụng luật pháp và luật tục. Tăng cường các cơ sở giáo dục, đào tạo đối với người Ê-đê để bà con không những có cơ cấu xã hội thích hợp với đời sống văn hoá tinh thần hiện đại mà còn phản ánh được bản sắc riêng, đậm đà của dân tộc mình. Đó chính là cơ sở xã hội cho việc vận dụng tốt luật tục Ê-đê vào trong quản lý cộng đồng, trong đó có công tác bảo tồn, phát huy giá trị của luật tục Ê-đê về bảo vệ tài nguyên, môi trường. Kết hợp áp dụng luật pháp hiện đại với kế thừa những yếu tố tốt đẹp của luật tục truyền thống, đó là tính cộng đồng, tính nhân bản và hợp lý và đưa vấn đề bảo vệ các thành phần quan trọng của môi trường như rừng, nguồn nước, đất rừng, động thực vật quý hiếm ở địa phương, thành những nội dung chủ yếu trong sinh hoạt của cộng đồng buôn làng.

Thứ ba, cần nâng cao công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của chính quyền, cán bộ về giá trị của luật pháp và luật tục. Cán bộ các địa phương nơi có cộng đồng người Ê-đê sinh sống cần hiểu về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào Ê-đê, hiểu được vai trò của tri thức dân gian trong luật tục về bảo vệ tài nguyên, môi trường trong bối cảnh hiện nay nhằm có những biện pháp tuyên truyền cho đồng bào hiểu rõ giá trị và tầm quan trọng của luật tục cũng như tuân thủ những quy định pháp luật của nhà nước. Việc tuyên truyền phổ biến pháp luật phải thông qua nhiều hình thức và các phương pháp phù hợp.

Đồng thời, Nhà nước cần đầu tư đúng mức về tài chính và đội ngũ làm công tác thực thi pháp luật, công tác dân tộc và văn hóa nhằm tuyên truyền pháp luật nâng cao ý thức pháp luật cho đồng bào Ê-đê.

Thứ tư, tận dụng và phát huy vai trò của người có uy tín (già làng, trưởng buôn), hình thành thiết chế dân chủ cơ sở (như hương ước) tham gia bảo vệ tài nguyên, môi trường, gắn với thực hiện và phát huy quyền làm chủ của đồng bào Ê-đê.

Già làng, người có uy tín có sức ảnh hưởng lớn trong cộng đồng người Ê-đê, do vậy, cần đẩy mạnh vai trò của họ tham gia vào các hoạt động thực hành văn hóa truyền thống (lễ hội) và lồng ghép các hoạt động tuyên truyền luật tục bảo vệ tài nguyên môi trường vào những hoạt động này. Nâng cao vai trò của người đứng đầu, người có uy tín của cộng đồng DTTS trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật kết hợp với luật tục. Kết hợp vai trò giữa già làng (theo thiết chế truyền thống) và trưởng buôn (do dân bầu ra theo thiết chế của pháp luật) để tạo thuận lợi cho việc áp dụng hòa hợp cả luật tục và luật pháp trong ứng xử cộng đồng.

Trên cơ sở áp dụng quy chế dân chủ cơ sở để nâng cao tính tự quản của cộng đồng với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, tiến hành xây dựng nên các bản quy ước, hương ước tự quản của buôn làng. Qua đó, luật tục truyền thống được cải biến phù hợp với pháp luật hiện hành, những quy ước này xuất phát từ chính nhu cầu nội tại của DTTS. Đối với cộng đồng người Ê-đê, các thành viên trong buôn làng sẽ đóng vai trò trung tâm, chủ đạo trong việc đưa ra ý kiến góp phần xây dựng hương ước, quy chế tự quản. Với từng buôn làng cụ thể, quy định sẽ có những đặc thù riêng, phù hợp với bối cảnh, mục đích chính là bảo vệ được nguồn tài nguyên thiên nhiên, cũng chính là không gian sinh tồn của buôn làng.

Tài liệu tham khảo

1. Trương Bi, Bùi Minh Vũ (sưu tầm và biên soạn) (2006), *Luật tục Ê-đê về bảo vệ rừng, đất đai, nguồn nước*, Sở Văn hóa - Thông tin Đắk Lắk, Đắk Lắk.
2. Đỗ Văn Dương, Lê Duyên Hà (2015), “Luật tục của các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên trong phát triển bền vững”, Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 19 (299).
3. Trương Thị Hiền (2017), *Luật tục Ê-đê, một nền tư pháp hòa giải*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hoàng Văn Huỳnh (2016), “Luật tục bảo vệ tài nguyên môi trường của một số dân tộc Tây Bắc và Tây Nguyên”, Tạp chí *Nghiên cứu Lập pháp*, số 2.
5. Lâm Bá Nam (2010), “Luật tục các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên nhận diện di sản lịch sử”, Tạp chí *Dân tộc*, số 118.
6. Phan Đăng Nhật (2007), “Luật tục một giá trị văn hóa phi vật thể đặc sắc”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số (1) 18.
7. Quốc hội (2012), *Luật Tài nguyên nước năm 2012*, Hà Nội.
8. Quốc hội (2013), *Luật Đất đai năm 2013*, Hà Nội.
9. Quốc hội (2014), *Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và năm 2020*, Hà Nội.
10. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự năm 2015*, Hà Nội.
11. Quốc hội (2017), *Luật Lâm nghiệp năm 2017*, Hà Nội.
12. Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu (1996), *Luật tục Ê-đê*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
13. Nguyễn Đức Lam (2011), “Án lệ ở Úc: lịch sử, khái niệm, nguyên tắc và cơ chế thực hiện”, <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207591>, truy cập ngày 21/01/2022.
14. Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hồi (2010), “Tập quán và luật tục bảo vệ môi trường của một số dân tộc ít người ở Việt Nam”, <http://www.vacne.org.vn/tap-quan-va-luat-tuc-bao-ve-moi-truong-cuamot-so-dan-toc-it-nguoi-o-viet-nam/24579.html>, truy cập ngày 22/2/2022.